

KẾT QUẢ TẠO NIỀM TIN

Báo cáo
thường niên **2009**



Quà tặng của

Dòng sông Mekong

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN



Công Ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn là một trong những công ty chế biến và xuất khẩu cá tra, basa hàng đầu của Việt Nam. Công ty chính là lựa chọn ưu tiên của nhà nhập khẩu nước ngoài cho mặt hàng cá tra, basa fillet và hàng giá trị gia tăng từ cá tra và basa. Chất lượng sản phẩm và hệ thống truy xuất là cơ sở mà công ty đã và đang xây dựng, củng cố, phát triển để luôn cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đáng tin cậy, ngon và tốt cho sức khỏe.

Mục Lục

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	02
Ban Tổng Giám Đốc	04
Sơ đồ tổ chức	08
Lịch sử hoạt động của Công ty	10
Những sự kiện quan trọng trong năm	12
Định hướng phát triển	13
Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	14
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	17
Báo cáo của Ban Kiểm Soát	25
Các công ty con có liên quan	28
Thông tin cổ đông và quản trị công ty	29
Báo cáo tài chính	31



Quà tặng của Dòng sông Mekong

Vinh Hoàn được thành lập nhằm cung cấp cho cuộc sống sự đa dạng về các mặt hàng thủy sản từ dòng sông Mekong trù phú. Chúng tôi hoàn thiện các sản phẩm theo từng yêu cầu của khách hàng. Chúng tôi cũng mang đến cho các đối tác sự chân thành và hiệu quả thỏa đáng trong kinh doanh. Vinh Hoàn luôn nỗ lực đáp ứng sự mong đợi của quý khách hàng với hệ thống truy xuất hoàn chỉnh, các chứng chỉ về quản lý chất lượng. Và mục tiêu cuối cùng là mang quà tặng của dòng sông Mekong đến người tiêu dùng dưới dạng những sản phẩm ngon, đẹp và tốt cho sức khỏe.

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Kính thưa quý vị cổ đông
Là một công ty niêm yết, đều đặn mỗi năm chúng ta phải thực hiện công tác tổng kết, báo cáo và lập kế hoạch. Nhưng năm nào cũng vậy, chúng tôi những người làm việc và điều hành công ty hơn 300 ngày qua, đều có những cảm xúc mới mẻ và

đầy hào hứng. Hào hứng vì sau một năm chúng ta lại đạt được một cột mốc mới trên chặng đường đã hơn 12 năm qua. Như người bộ hành kiên trì, bền bỉ, vượt mồ hôi vì những đoạn đường vất vả, chúng tôi hân hoan đón làn gió mát với những kết quả đạt được mỗi cuối năm. Doanh số, lợi nhuận bằng hóa những con số thân thương vì chúng tôi hiểu đằng sau những

con số lấp lánh đó là bao nhiêu thời gian, công sức của hàng ngàn con người miệt mài lao động, miệt mài phấn đấu.

Thưa quý vị cổ đông, chúng tôi xin được chia sẻ niềm vui với quý vị qua từng trang báo cáo của năm 2009. Niềm vui không chỉ đến từ những thành quả vượt kế hoạch mà còn là niềm tự hào vì những gì chúng ta tin tưởng và mong muốn đều đã thành hiện thực, càng củng cố thêm nền móng đã được xây dựng từ nhiều năm qua.

Đó là chính sách phát triển bền vững dựa trên những nguyên tắc nhất quán về chất lượng sản phẩm, quản lý chi phí và tạo uy tín với khách hàng, về quản lý và đào tạo con người.

Toàn bộ hoạt động của công ty đều nhắm tới mục tiêu cuối cùng là mang đến cho người tiêu dùng trên khắp thế giới sản phẩm ngon, bổ dưỡng, an toàn, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, nguồn lợi tự nhiên và xây dựng cộng đồng. Đó chính là nhiệm vụ của người sản xuất thực phẩm nói chung, cũng là một lợi thế cạnh tranh vững chắc của



Chính sách phát triển bền vững dựa trên những nguyên tắc nhất quán về chất lượng sản phẩm, quản lý chi phí và tạo uy tín với khách hàng

Vinh Hoàn. Thời điểm này của năm cũng là thời điểm áp lực đè nặng trên vai đội ngũ quản lý công ty khi phải đặt ra những mục tiêu và kế hoạch mới một cách chi tiết, khả thi nhất và cũng đầy thách thức nhất.

Nhiệm vụ của chúng tôi không chỉ là thực thi các nguyên tắc quản lý mà quan trọng hơn là hướng hàng ngàn cá nhân đến những mục tiêu chung và tạo động lực, niềm phấn khởi cho từng cá nhân nhiệt tình lao động và sáng tạo. Hi vọng rằng đội ngũ lãnh đạo và nhân viên của Vinh Hoàn sẽ lần lượt qua các năm làm hài lòng những người chủ sở hữu đã đầu tư tiền của vào công ty và đặt niềm tin vào chúng tôi.

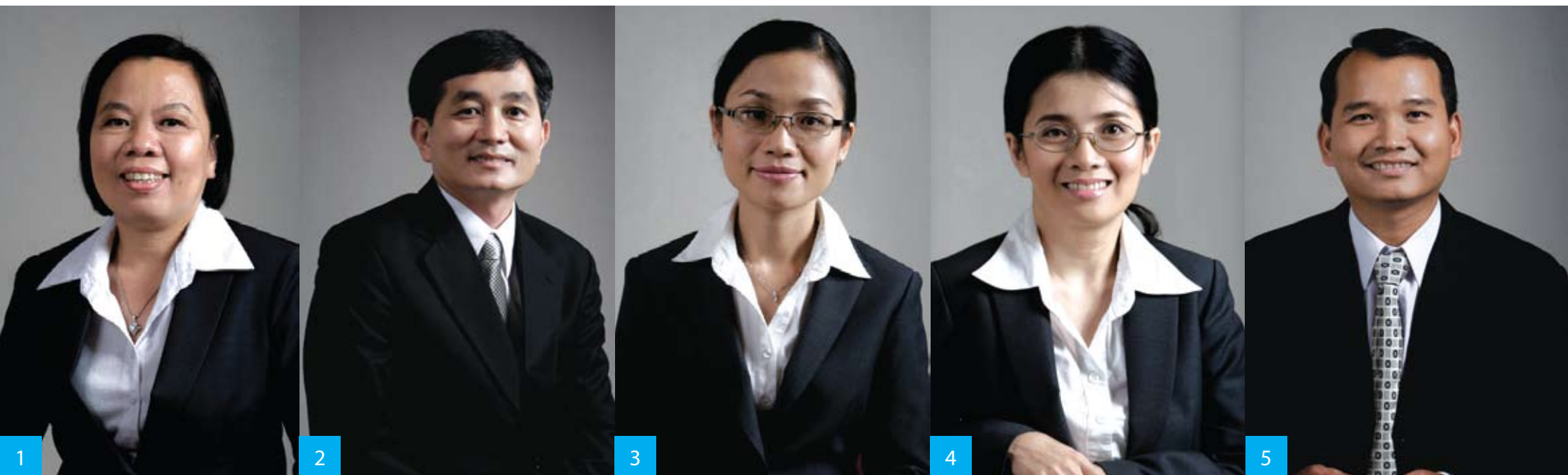
Xin gửi lời chúc sức khỏe và thành công đến quý vị cổ đông.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị



Chủ tịch HĐQT
Trương Thị Lệ Khanh





Ban Tổng Giám Đốc

1. Bà Trương Thị Lệ Khanh
2. Ông Huỳnh Đức Trung
3. Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm
4. Bà Trương Tuyết Phương
5. Ông Đặng Văn Viễn

Bà Trương Thị Lệ Khanh

Năm sinh : 20/7/1961
Quê quán : Châu Đốc, An Giang
Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty
Địa chỉ : 384 Nguyễn Trãi, quận 5, tp HCM
Thời gian : Từ năm 1997 đến nay
Trình độ : Cử nhân kinh tế
 Đại Học Tài Chính Kế Toán Tp. HCM

Quá trình công tác

- ♦ Là người khởi nghiệp Vĩnh Hoàn từ một xưởng đông lạnh nhỏ, liên tục trong 12 năm giữ vị trí Giám Đốc và Tổng Giám Đốc, lãnh đạo công ty phát triển cho đến ngày hôm nay.
- ♦ Kinh nghiệm làm việc hơn 20 năm trong ngành thủy sản.
- ♦ Được trao tặng các bằng khen và kỷ niệm chương sau:
 - Doanh nhân tiêu biểu khối doanh nghiệp Trung Ương năm 2006 và 2007 của Phòng Thương mại Công Nghiệp Việt Nam trao tặng
 - Bằng khen của Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam về việc đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007
 - Doanh nhân tiêu biểu năm 2008 của Phòng Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam
 - Doanh nhân Sài Gòn tiêu biểu năm 2009 do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh trao tặng
 - Bằng khen doanh nhân tiêu biểu năm 2009 Bằng khen Doanh nhân tiêu biểu tỉnh Đồng Tháp 2009 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Tháp trao tặng.

Ông Huỳnh Đức Trung

Năm sinh : 13/05/1963
Quê quán : Sa Đéc, Đồng Tháp
Địa chỉ : 538A Trần Hưng Đạo, P.1, TX. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp.
Chức vụ : Phó TGĐ phụ trách sản xuất Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn.
Thời gian : Từ năm 1997 đến nay
Trình độ : Kỹ sư Ngành Chế biến công nghệ thực phẩm

Quá trình công tác

1985-1987 Nhân viên Phòng kỹ thuật, Xí nghiệp Đông lạnh Sadec, Sở Thủy sản tỉnh Đồng Tháp.
1987-1989 Phó Phòng kỹ thuật, Xí nghiệp Đông lạnh Sadec, Sở thủy sản tỉnh Đồng Tháp
1989-1992 Phó Giám đốc Xí nghiệp Đông lạnh Sa Đéc, Công ty XNK Nông, Lâm, Thủy sản Đồng Tháp, Sở Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp.
1992-1994 Quyền Giám đốc Xí nghiệp Đông lạnh Sa Đéc, Công ty XNK Sa Giang, Sở Công nghiệp tỉnh Đồng Tháp.
1994-1998 Cán bộ Kỹ thuật Công ty XNK Sa Giang, Sở Công nghiệp tỉnh Đồng Tháp.
2000-2001 Phó Giám đốc Xí nghiệp Chế biến Thủy sản, Công ty TNHH Vĩnh Hoàn
2001-2007 Giám đốc Công ty TNHH Vĩnh Hoàn
2007- nay Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn. Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn

Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm

Năm sinh : 13/9/1979
Quê quán : Cần Giuộc, Long An
Địa chỉ : 323/18/11 Minh Phụng, P.2 Quận 11, TPHCM
Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc phụ trách kinh doanh
Thời gian : Từ năm 2008 đến nay
Trình độ : Cử nhân luật

Quá trình công tác

2002-2003 Luật sư của văn phòng luật YKVN
2003-2005 Nhân viên Phòng Kinh Doanh Công ty TNHH Vĩnh Hoàn
2006- 2008 Trưởng Phòng Kinh Doanh Công Ty Vĩnh Hoàn
2008 đến nay Phó Tổng Giám Đốc phụ trách kinh doanh Công Ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn
 Được trao tặng bằng khen của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn do thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nuôi trồng và kinh doanh thủy, hải sản.

Bà Trương Tuyết Phương

Năm sinh : 6/07/1974

Quê quán : An Giang

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính và Nhân sự Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn

Địa chỉ : Đốc Phú Thu, Phường A – Thị xã Châu Đốc – An Giang

Thời gian : Từ 2007 đến nay

Trình độ : Cử nhân Tài chính kế toán
Cử nhân Tin học

Quá trình công tác

1998 – 2005 Kế toán trưởng chi nhánh Công ty TNHH Vĩnh Hoàn

2005 – 2007 Phó Giám đốc phụ trách tài chính Công ty TNHH Vĩnh Hoàn

2007 – nay Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính và nhân sự tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn

Được trao tặng bằng khen của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh do thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong sản xuất kinh doanh giai đoạn 1997 – 2007.

Ông Đặng Văn Viễn

Năm sinh : 27/07/1975

Quê quán : Vĩnh Long

Địa chỉ : Phường Tân Phú – Quận 7 – TP. HCM

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc phụ trách nuôi trồng thủy sản công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn

Thời gian : 2007 đến nay

Trình độ : Kỹ sư Công nghệ thực phẩm
Cử nhân Kinh tế Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

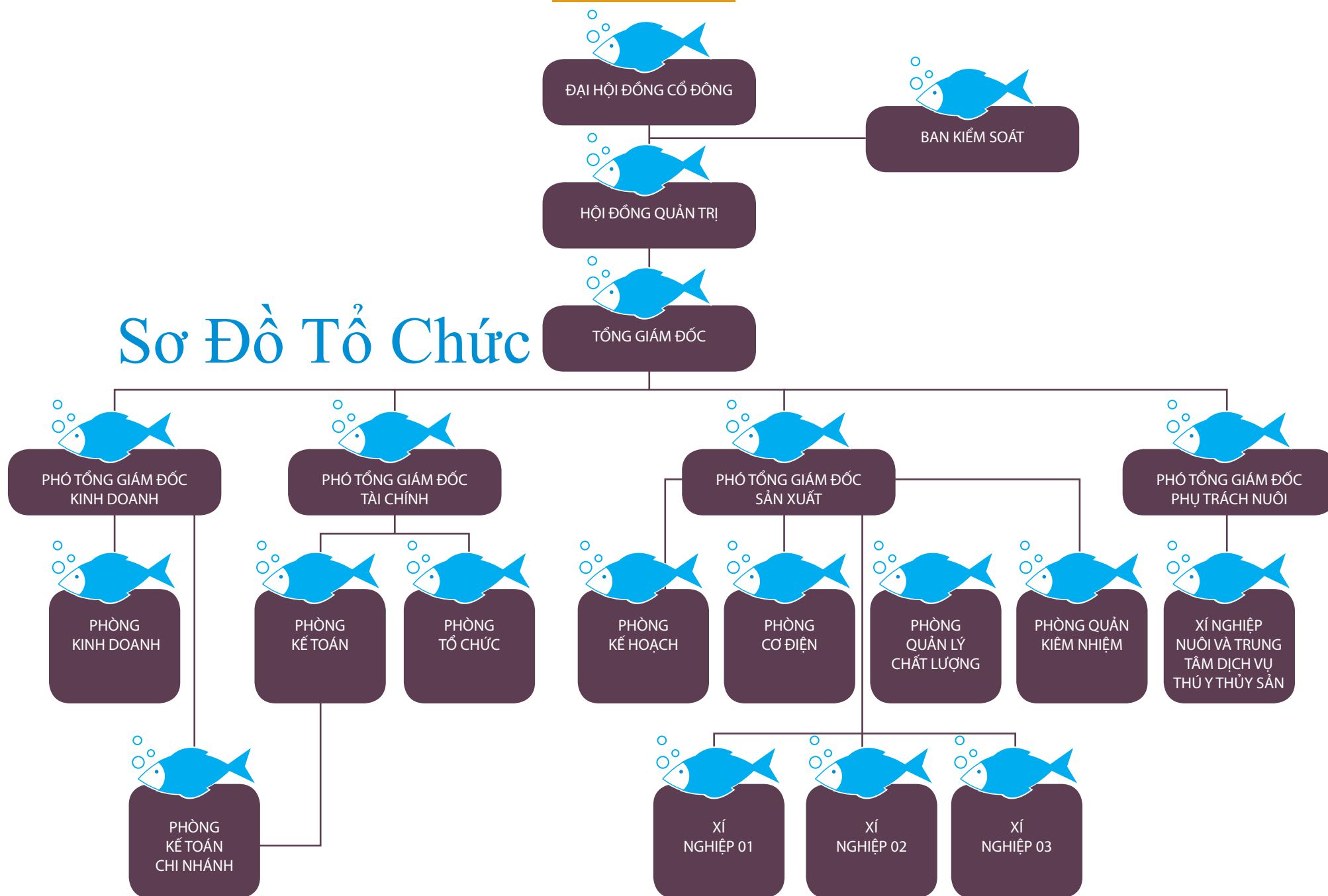
1999 - 2002 Công tác tại chi nhánh Cần Thơ

2002 - 2007 Công tác tại bộ phận kế hoạch sản xuất tại Công ty TNHH Vĩnh Hoàn

2007 - nay P.TGD phụ trách nuôi trồng thủy sản tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn



Sơ Đồ Tổ Chức





Hợp tác
Phát triển bền vững
Xây dựng thương hiệu



Lịch sử hoạt động của Công ty

Vinh Hoàn đã vươn lên vị trí thứ hai trong các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, cá basa và thứ ba trong các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY:

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Tên tiếng Anh : VINH HOAN CORPORATION
Tên viết tắt : VINH HOAN CORP.
Trụ sở chính : Quốc lộ 30, Phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.
Người đại diện : Bà TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH – Chủ Tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Vinh Hoàn (tiền thân là Công Ty TNHH Vinh Hoàn)
Điện thoại : (+84) 67 3 891663
Fax : (+84) 67 3 891062
Website : www.vinhhoan.com.vn
Email : vh@vinhhoan.com.vn

Công ty Cổ phần Vinh Hoàn (tiền thân là Công ty TNHH Vinh Hoàn) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000069 ngày 17 tháng 4 năm 2007, thay đổi lần 1 ngày 11 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ
Bà TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH	179.650.000.000	50,85%
Cổ đông khác	173.630.000.000	49,15%
Tổng Cộng	353.280.000.000	100,00%

HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

- Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản. Mua bán thủy hải sản.
- Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản; chế biến thức ăn thủy sản.
- Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản. Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái.
- Sản xuất bao bì giấy, in các loại.
- Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
- Sản xuất và mua bán thức ăn thủy sản.
- Mua bán thủy hải sản.
- Sản xuất bao bì giấy.
- Thực hiện các dịch vụ thủy hải sản.

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ Lệ Lợi Ích	Quyền Biểu Quyết
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Thủy Sản Vinh Hoàn 1	Quốc Lộ 30, Cụm Công Nghiệp Thanh Bình, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp	69,80%	69,80%
Vinh Hoan (USA) Incorporated	2 Mahogany Dr, Irvine, CA 9260	100%	100%

Quá trình phát triển

Ngày 27/12/1997: Thành lập Công Ty TNHH Vinh Hoàn

Tháng 12/1999: Nhà máy chế biến thủy sản đầu tiên tại Thị Xã Cao Lãnh, Đồng Tháp đi vào hoạt động.

Ngày 19/01/2007 : Thành lập Công Ty Vinh Hoàn (USA) Inc. tại Hoa Kỳ với 100% vốn của Công Ty Vinh Hoàn

Tháng 2/2007: nhà máy chế biến thủy sản thứ 02 đi vào hoạt động .

Ngày 17/04/2007: Công Ty TNHH Vinh Hoàn chính thức chuyển đổi thành Công Ty CỔ PHẦN VINH HOÀN

Ngày 02/05/2007: Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Thủy Sản Vinh Hoàn 1 với 70% vốn sở hữu của Công Ty Cổ Phần Vinh Hoàn chính thức hoạt động

Ngày 24/12/2007: niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Năm 2008 : đưa vào hoạt động xí nghiệp chế biến thủy sản thứ 03 và nhà máy chế biến thức ăn Vinh Hoàn 1

Những sự kiện quan trọng trong năm

Trong hoàn cảnh khó khăn, Vĩnh Hoàn vẫn phát triển vững mạnh, khẳng định được uy tín và thương hiệu của mình

- Tháng 2/2009 : nhận chứng chỉ AQUAGAP về nuôi trồng của tổ chức IMO – Thụy Sĩ.
- Tháng 3/2009 : nhận bằng khen của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn của cuộc thi “the Seafood Prix d’Elite” tại Hội chợ Thủy sản Châu Âu năm 2009 (Brussels, Bỉ).
- Tháng 4/2009 : là công ty Việt Nam và công ty Châu Á lần đầu tiên và duy nhất vinh hạnh nhận giải thưởng DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE cho sản phẩm SEAFOOD HARMONY tại the Seafood Prix d’Elite (Hội Chợ Thủy Sản Châu Âu năm 2009).
- Tháng 4/2009 : nhận giải thưởng doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2008.
- Ngày 10/7/2009 : phòng kiểm nghiệm của công ty đạt chứng chỉ ISO/IEC 17025:2005
- Tháng 8/2009 : nhận Giải Thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2009.
- Ngày 28/8/2009 : đạt mức thuế chống phá giá bằng 0% vào thị trường Mỹ theo kết quả sơ bộ điều tra hành chính năm thứ 5 của Bộ Thương Mại Mỹ.
- Tháng 11/2009 : Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen về thành tích xuất sắc, đạt giải thưởng DINH DƯỠNG và SỨC KHỎE tại Hội Chợ Thủy Sản Châu Âu năm 2009, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội và Bảo Vệ Tổ Quốc.
- Tháng 12/2009 : đạt Danh hiệu Chất Lượng Vàng Thủy Sản Việt Nam 2009 do Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn tổ chức.



Định hướng phát triển

MỤC TIÊU:

- Nhà cung cấp CÁ TRA-CÁ BASA uy tín về chất lượng và tiên phong về quản lý chất lượng
- Đi đầu trong việc nuôi trồng cá tra, cá basa bền vững, thân thiện với môi trường, đảm bảo kiểm soát chất lượng từ con giống
- Phát triển và khai thác tối đa giá trị phụ phẩm từ cá tra, basa

Chứng chỉ GLOBALGAP cho vùng nuôi

Nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ

Sản phẩm mới từ phụ phẩm cá tra, basa

THƯƠNG HIỆU MẠNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hệ thống quản lý chất lượng theo HACCP, ISO, BRC

Mở rộng vùng nuôi cung cấp 70% nhu cầu nguyên liệu

Phát triển đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa sản phẩm

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

Trong hoàn cảnh khó khăn, Vĩnh Hoàn vẫn phát triển vững mạnh, khẳng định được uy tín và thương hiệu của mình

Vĩnh Hoàn là một trong những công ty chế biến thủy sản đầu ngành tại Việt Nam, với vị trí thứ hai về xuất khẩu cá tra, cá basa và đứng thứ ba trong toàn ngành. Thương hiệu “VĨNH HOÀN” ngày càng được biết đến trong ngành thủy sản thế giới với chất lượng tốt, đáng tin cậy.

Năm 2009 ngành thủy sản Việt Nam trải qua một năm đặc biệt khó khăn. Khủng hoảng kinh tế làm giảm nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường, nguồn nguyên liệu trong nước lại thiếu hụt với chi phí tăng cao, cùng các rào cản về kỹ thuật và thuế quan ở các nước nhập khẩu. Lần đầu tiên, kể từ năm 1997, xuất khẩu thủy sản đạt tăng trưởng âm so với năm 2008. Trong hoàn cảnh khó khăn đó, Vĩnh Hoàn vẫn phát triển vững mạnh, khẳng định được uy tín và thương hiệu của mình. Công ty hoàn thành vượt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận. Quan trọng hơn cả, công ty mở rộng được thị trường và phát triển các sản phẩm mới, thâm nhập vào các hệ thống bán lẻ uy tín, tiếp tục được sự tín nhiệm của khách hàng về chất lượng, dịch vụ. Có được thành quả đó chính là nhờ sản phẩm của công ty được quản lý nghiêm ngặt về chất lượng, được truy xuất 100% tới từng ao nuôi, quản lý chặt chẽ từ khâu nuôi trồng đến thức ăn và chế biến, vận chuyển.

Chính vì vậy công ty đã mang đến sự yên tâm và niềm tin cho khách hàng đặc biệt là các hệ thống phân phối và bán lẻ. Năm 2009, công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đạt các kết quả kinh doanh rất ấn tượng, cụ thể như sau:

- Doanh thu hợp nhất năm 2009: 2.771 tỷ đồng, tăng 13,5 % so với năm 2008
- Lợi nhuận sau thuế năm 2009: 193 tỷ đồng, tăng 241 % so với năm 2008, hoàn thành 190 % kế hoạch

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2009 – BÁO CÁO HỢP NHẤT-

Kế hoạch năm 2009

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2009	Kế Hoạch năm 2009	Thực hiện Năm 2008	Thực hiện 2009 so với kế hoạch 2009	Thực hiện 2009 so với năm 2008
Tổng doanh thu thuần	2.771.274		2.442.360		113%
Lợi nhuận trước thuế	240.323	121.457	84.658	198%	284%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	193.229	101.360	80.042	191%	241%
Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS : đồng/ cổ phiếu)	6.427	3.379	2.668	190%	241%

NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

Trong năm 2009 công ty đã thực hiện các hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh và nuôi trồng như sau:

■ Chế biến thủy sản

Xí nghiệp chế biến thủy sản số 1 được đưa vào sửa chữa lớn với tổng kinh phí đầu tư 66 tỷ đồng. Nhà máy dự kiến đi vào hoạt động vào cuối tháng 4 năm 2010 với công suất thiết kế 100 tấn nguyên liệu/ngày, nâng tổng công suất chế biến của công ty lên 500 tấn nguyên liệu/ngày.

Công ty tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua hệ thống truy xuất tốt từ con giống, nuôi trồng, thức ăn đến khâu chế biến thành phẩm. Từ những năm trước công ty đã chú trọng đầu tư thiết bị hiện đại và đào tạo đội ngũ kiểm nghiệm sản phẩm đạt tiêu chuẩn tương đương với các nước nhập khẩu. Năm 2009 phòng kiểm nghiệm của công ty đã đạt được chứng chỉ ISO 17025.

■ Nuôi trồng thủy sản

- Thi công hoàn chỉnh hai dự án nuôi đưa vào hoạt động ở xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- Thi công 80% dự án nuôi ở xã Tân Thuận Đông, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp;
- Các vùng nuôi của công ty cung cấp được hơn 32% nhu cầu nguyên liệu cho công ty;
- Bốn vùng nuôi của công ty đạt chứng chỉ nuôi AQUAGAP (Tân Thuận Tây, Mỹ Xương, Tân Hòa, Tân Thạnh) khẳng định định hướng phát triển bền vững và nuôi thân thiện với môi trường theo các tiêu chuẩn quốc tế.

■ Thức ăn thủy sản

Lắp đặt xong dây chuyền chế biến thức ăn số 2 tại nhà máy chế biến thức ăn Vĩnh Hoàn 1, nâng công suất chế biến thức ăn từ 70.000 tấn/năm lên 140.000 tấn/năm với tổng kinh phí đầu tư 30 tỷ đồng. Dây chuyền sản xuất mới đi vào hoạt động từ tháng 1 năm 2010.

■ Sản phẩm và thị trường

Công ty phát triển thành công mặt hàng Cá Tra Block Thủy Lực với số lượng 2.500 tấn, chiếm 5% tổng doanh số của công ty và mặt hàng cá fillet có chứng chỉ AQUAGAP vào thị trường Châu Âu. Vĩnh Hoàn là công ty duy nhất tại Việt Nam có vùng nuôi đạt chứng chỉ AQUAGAP, tạo sự khác biệt về chất lượng sản phẩm và giá bán trên thị trường quốc tế. Sản phẩm bột cá và mỡ cá của nhà máy chế biến thức ăn Vĩnh Hoàn 1 cũng được thị trường quốc tế chấp nhận với chất lượng tốt, nhu cầu tiêu thụ ổn định và giá cả hợp lý.

Năm 2009, Vĩnh Hoàn tiếp tục phát triển ở các thị trường truyền thống là Hoa Kỳ và Châu Âu, đặc biệt là Đức, Bỉ và Anh. Vĩnh Hoàn duy trì các kênh tiêu thụ hàng chất lượng cao, phát triển đến các hệ thống bán lẻ và cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến hàng tinh chế. Năm 2009, công ty cũng bắt đầu tham gia vào thị trường Nga với tỷ trọng 5% trên tổng doanh số xuất khẩu.

TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

Cá tra duy trì lợi thế là loại cá ngon, thịt trắng, sản lượng ổn định và giá cả phải chăng. Tiềm năng phát triển của con cá này còn rất lớn trên thị trường đặc biệt là thị trường bán lẻ và cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến thực phẩm. Nhận thấy lợi thế này và tiềm năng phát triển trong tương lai, Thủ Tướng Chính Phủ đã phê duyệt đề án phát triển sản xuất và tiêu thụ cá tra đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 với vốn đầu tư 1.340 tỷ đồng. Văn Phòng Chính Phủ cũng đã đồng ý đưa sản phẩm cá tra vào nhóm sản phẩm chiến lược của quốc gia để có các chính sách ưu đãi phát triển bền vững và xây dựng thương hiệu trên trường quốc tế.

Kết quả đạt được năm 2009 là cơ sở thuận lợi và vững chắc cho những thành công tiếp theo của Vĩnh Hoàn trong năm 2010. Vĩnh Hoàn tiếp tục duy trì và phát triển những lợi thế cạnh tranh của công ty thông qua một hệ thống quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm từ con giống, nuôi trồng đến khâu chế biến, phân phối và tối ưu hóa giá trị của các phụ phẩm từ cá tra, basa. Công ty cũng sẽ xây dựng thương hiệu Vĩnh Hoàn phát triển bền vững với nhiều hoạt động nuôi trồng, sản xuất đảm bảo các nguyên tắc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thiên nhiên. Vĩnh Hoàn hướng tới một vị trí vững chắc, là sự lựa chọn đầu tiên của các hệ thống phân phối và bán lẻ lớn trên thế giới với các chính sách kiểm tra nghiêm ngặt về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Năm 2010, Vĩnh Hoàn tiếp tục hoàn thành các dự án trọng điểm sau :

STT	DỰ ÁN	THỜI GIAN HOÀN TẤT
1	Đưa xí nghiệp chế biến thủy sản số 01 vào hoạt động.	Cuối tháng 4/2010
2	Lấy chứng chỉ GLOBALGAP cho các vùng nuôi cá tra nguyên liệu của Vĩnh Hoàn để mở rộng cánh cửa thâm nhập sâu hơn vào thị trường cao cấp ở Châu Âu và Mỹ .	Cuối quý 3/2010
3	Tăng sản lượng nuôi trồng, đáp ứng 50% nhu cầu của công ty để chủ động nguồn nguyên liệu sạch, an toàn, đảm bảo truy xuất và chất lượng cao.	Cuối năm 2010
4	Phát triển trại nuôi cá giống để khép kín hoàn toàn quy trình.	Cuối năm 2010
5	Tiếp tục đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới từ phụ phẩm cá tra để gia tăng hiệu quả kinh doanh.	Liên tục trong năm



Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Vinh Hoàn đã vươn lên vị trí thứ hai trong các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, cá basa và thứ ba trong các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam

Năm 2009, Việt Nam xuất khẩu 607,7 nghìn tấn cá tra, basa sang 133 thị trường trên thế giới, đạt kim ngạch 1,34 tỷ USD, giảm 7,6% về giá trị so với năm 2008. Số liệu này cho thấy cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới đã ảnh hưởng không nhỏ đến ngành nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu cá tra, basa Việt Nam. Tuy nhiên, với chính sách kích cầu từ phía chính phủ các nước, ngành thủy sản thế giới và thủy sản Việt Nam đã có những tín hiệu khả quan, trong đó thủy sản xuất khẩu của Việt Nam đã có sự hồi phục trong những tháng cuối năm 2009, đặc biệt là hai sản phẩm cá tra, basa và tôm xuất khẩu đến các thị trường truyền thống.

Tình hình hoạt động sản xuất và xuất khẩu cá tra, basa của Việt Nam trong năm 2009 còn gặp khó khăn, nhưng với những nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, công nhân lao động trong việc thực hiện đúng những hoạch định chiến lược kinh doanh của Ban lãnh đạo Công ty nên đã mang lại những thành quả nhất định, khẳng định quá trình phát triển ổn định và bền vững của đơn vị trong nhiều năm qua.

KHẢ NĂNG SINH LỜI

	2009	2008
Giá sổ sách (Book value)	21.363 VND	12.961 VND
Tỷ lệ lợi nhuận/tổng tài sản (ROA)	14,1%	8,5%
Tỷ lệ lợi nhuận/vốn chủ sở hữu (ROE)	37,5%	20,6%

Các chỉ số về khả năng sinh lời cho thấy công ty Vinh Hoàn đã duy trì hoạt động khá hiệu quả trong năm 2009. Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt 37,5% phản ánh rõ hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

KHẢ NĂNG SINH LỜI

	2009	2008
Hệ số thanh toán hiện thời	1,48	1,19
Hệ số thanh toán nhanh	0,94	0,62

Các hệ số thanh toán không có biến động mạnh và duy trì ở mức an toàn.

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH KHÁC

	2009	2008
Lãi cơ bản/ cổ phiếu	6.427 VND	2.668 VND
Vòng quay các khoản phải thu	8,46 lần	8,52 lần
Vòng quay hàng tồn kho	6,94 lần	10,11 lần
Thời gian thu tiền bình quân	43 ngày	43 ngày
Thời gian tồn kho bình quân	53 ngày	36 ngày
Đòn bẩy tài chính (F/L)	1,29	2,06
Tỉ số nợ / Vốn chủ sở hữu		

THAY ĐỔI VỀ VỐN CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	2009	Mệnh Giá	Tỷ trọng
Cổ phiếu phổ thông	32.568.000	10.000	100%
Cổ phiếu ưu đãi	0	10.000	0%

Công ty đã thực hiện các đợt phát hành thêm trong năm 2009-2010 như sau :

- Phát hành 600.000 cổ phiếu phổ thông (tương ứng với 2% vốn điều lệ) trong năm 2009 để tài trợ cho chương trình xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên và phát hành 342.210 cổ phiếu phổ thông cho cán bộ công nhân viên ưu tú cho năm 2008-2009 theo chương trình Cổ Phiếu Thưởng ESOP;
- Phát hành 5.328.000 cổ phiếu phổ thông trong chương trình phát hành thêm 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược với giá bán bình quân 46.000 đồng/ cổ phiếu .

CỔ TỨC CHIA CHO CÁC THÀNH VIÊN GÓP VỐN

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2009, cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2009 cho các cổ đông là 1.500 đồng/ cổ phiếu (tương đương 15% trên mệnh giá cổ phiếu). Cổ tức này đã được chi trả bằng tiền mặt trong năm.

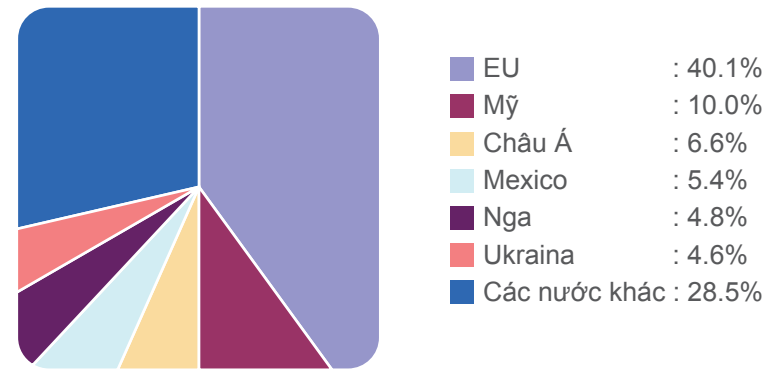
BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2009 là một năm khó khăn với ngành thủy sản Việt Nam.

Xuất khẩu thủy sản	: 4,25 tỷ USD, giảm 5,7% so với năm 2008.
Xuất khẩu cá tra	: 607,7 nghìn tấn, giảm 5,2% so với năm 2008.
	1,34 tỷ USD, giảm 7,6% so với năm 2008.

Năm 2009 cũng là năm cá tra có nhiều biến động về thị trường. Thị trường Nga đóng cửa vào đầu năm 2009 và chỉ cho phép nhập khẩu trở lại vào tháng 5 năm 2009, làm giảm mạnh lượng xuất khẩu vào thị trường này và làm một số doanh nghiệp khốn đốn. Cá tra cũng bị các phương tiện truyền thông ở các nước Tây Ban Nha, Ý, Trung Đông đưa tin không trung thực nhằm bảo hộ ngành thủy sản nội địa, làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ tại các thị trường này. Nguyên liệu lại gặp nhiều khó khăn do chi phí tăng dẫn đến hiện tượng người nuôi “treo” ao.

XUẤT KHẨU CÁ TRA, BASA VIỆT NAM NĂM 2009 (THEO GIÁ TRỊ)



Mặc dù với muôn vàn khó khăn, với chính sách chất lượng và đầu tư nuôi theo tiêu chuẩn quốc tế, sản phẩm Vĩnh Hoàn đã phát triển mạnh đến hệ thống bán lẻ và chuyển sang cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến hàng tinh chế.

Vĩnh Hoàn đã vươn lên vị trí thứ hai trong các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, cá basa và thứ ba trong các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam (Nguồn: Số liệu Hải Quan Việt Nam).

DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU CÁ TRA, CÁ BASA NĂM 2009

CÔNG TY	GIÁ TRỊ (TRIỆU USD)
HÙNG VƯƠNG	122
VĨNH HOÀN	115
NAM VIỆT	85
VIỆT AN	57
AGIFISH	55
BIANFISHCO	53
THIÊN MÃ	43
CỬU LONG	39
HTFOOD	33,9
CASEAMEX	33,7

DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM NĂM 2009

CÔNG TY	GIÁ TRỊ (TRIỆU USD)
MINH PHÚ	160
HÙNG VƯƠNG	122
VĨNH HOÀN	115
NAM VIỆT	85
QUỐC VIỆT	82,5
CAMIMEX	74,9
STAPIMEX	70,6
PHUONG NAM	66,9
UTXI	62,2
KIM ANH	58,5

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CỦA VĨNH HOÀN

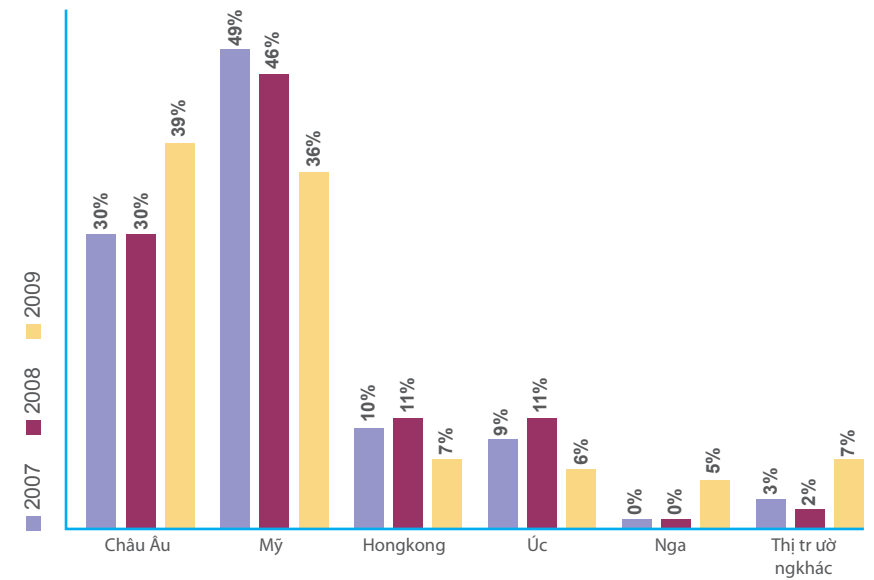
Kim ngạch xuất khẩu

Năm 2007	24.000 tấn	75 triệu USD
Năm 2008	34.000 tấn	101 triệu USD
Năm 2009	45.000 tấn	115 triệu USD

Kim ngạch 2009 tăng 26% về lượng và 15% về trị giá so với năm 2008, đạt 109% so với kế hoạch.

Về thị trường, công ty thực hiện thành công việc điều chỉnh lại cơ cấu thị trường, cân đối tỷ trọng giữa hai thị trường lớn là Mỹ và Châu Âu, mở thị trường Nga với tỷ lệ 5% như đúng kế hoạch đề ra.

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU QUA CÁC NĂM



Về sản phẩm, công ty phát triển thành công sản phẩm block công nghiệp và cá có chứng nhận AQUAGAP tại các thị trường Đức, Bỉ, Hà Lan và Anh.

TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2009

Kinh doanh thủy sản và dịch vụ

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2009	KẾ HOẠCH NĂM 2009	MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH
DOANH THU THUẦN	2.316.538	2.212.713	104,69%
■ Thủy sản	2.040.969	1.975.484	
• Thành phẩm	1.728.309	1.607.184	
• Hàng hóa	312.660	368.300	
■ Đại lý thức ăn thủy sản	3.001	22.352	
■ Thuốc thủy sản	13.954	13.746	
■ Phụ phẩm	249.209	193.265	
■ Dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác	5.840	360	
■ Hàng khác	3.565	7.524	
Lợi nhuận trước thuế	174.956	90.722	
Thuế TNDN	22.552	10.887	
Lợi nhuận sau thuế	152.404	79.835	190,90%
Lợi nhuận từ công ty con	40.825	21.525	189,66%
Tổng lợi nhuận sau thuế	193.229	101.360	190,63%

Thức ăn thủy sản

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2009	KẾ HOẠCH NĂM 2009	MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH
DOANH THU THUẦN	726.347	609.961	190,08%
Lợi nhuận trước thuế	59.203	30.750	
Thuế TNDN	2.811	0	
Lợi nhuận sau thuế	56.392	30.750	183,39%
Lợi nhuận còn lại sau thuế	17.030	9.225	
Lợi nhuận phân bổ cho công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn	39.362	21.525	182,87%

Lợi nhuận của năm 2009 vượt kế hoạch 190% là một thành tích vượt bậc trong bối cảnh ngành thủy sản Việt Nam còn khó khăn trong đó thành tích đó có sự đóng góp của nhà máy thủy sản, hoạt động nuôi trồng và hoạt động hiệu quả của nhà máy thức ăn. Hoạt động hiệu quả của công ty chứng tỏ chính sách đúng đắn của Ban Tổng Giám Đốc đã tạo nên sức mạnh của công ty về thương hiệu, thị trường và chính sách hợp lý trong đầu tư ở khâu nuôi trồng và khai thác giá trị phụ phẩm, tối ưu hóa được hiệu quả sản xuất.

Các hoạt động khác

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2009	KẾ HOẠCH NĂM 2009	MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH
NUÔI TRỒNG	Đạt 32,4% nhu cầu	Đạt 40% nhu cầu	81%
■ Đạt chứng chỉ AQUAGAP			100%
■ Hoàn thành vùng nuôi Tân Thuận Đông			80%
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG			
■ Lấy chứng chỉ ISO 17025 cho phòng thí nghiệm			100%
■ Duy trì chứng chỉ ISO, BRC, IFS			
ĐẦU TƯ			
■ Nâng cấp xí nghiệp 1			80%
■ Lắp đặt dây chuyền số 2 cho Nhà máy thức ăn viên			100%

Vĩnh Hoàn đã vươn lên vị trí thứ hai trong các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, cá basa và thứ ba trong các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam

NHỮNG KẾT QUẢ MÀ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC

Nhà máy chế biến

Nhà máy tổ chức sản xuất hợp lý, hiệu quả, triệt để tuân thủ các nguyên tắc về quản lý chất lượng sản phẩm và hệ thống truy xuất chính xác, nhanh chóng. Cụ thể như sau:

- Duy trì và hoàn thiện quản lý sản xuất theo ISO 9001; ISO 14001, BRC, IFS;
- Nhà máy được kiểm tra và công nhận đạt tiêu chuẩn sản xuất theo chương trình kiểm soát thủy sản của Bộ Thương Mại Hoa Kỳ;
- Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 17025;
- Mã số xuất khẩu vào Châu Âu DL 147; DL 061 và DL 500.

Vùng nuôi

- Áp dụng và duy trì bốn vùng nuôi theo tiêu chuẩn AQUAGAP. Từ đó công ty phát triển mặt hàng cá có chứng nhận nuôi khá thành công, nâng cao được giá trị của cá tra fillet truyền thống.
- Thiết lập và ghi chép sổ tay nuôi cho tất cả các vùng nuôi còn lại.
- Tham dự tất cả các lớp tập huấn, các hội thảo chuyên đề về quản lý nuôi cá tra: BMP của Úc, PAD của WWF, GlobalGap của Châu Âu.
- Đào tạo tập huấn tiêu chuẩn GAP cho tất cả nhân viên vùng nuôi.
- Xây dựng chính sách khoán về thông số kỹ thuật nuôi, tổ chức hội thảo về bệnh cá và phương pháp điều trị, tổ chức chia sẻ kinh nghiệm nuôi giữa cán bộ kỹ thuật và các hộ nuôi uy tín, lâu năm.

Bán hàng

Công ty chú trọng nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng, đo lường sự thỏa mãn của khách hàng, tạo bản sắc văn hóa công ty trong tác phong làm việc, tăng cường hệ thống theo dõi đơn hàng để cập nhật thông tin kịp thời đến khách hàng về tiến độ sản xuất, giao hàng, xuất hàng.

Công ty giữ được khách hàng và củng cố thị trường truyền thống, tạo được mối quan hệ chung thủy với các khách hàng lớn, có được 9 khách hàng mới và mở được thị trường Nga, tăng thị trường Châu Âu như kế hoạch đề ra.

Nhân sự

Công ty cố gắng kiện toàn bộ máy sản xuất, liên tục đào tạo nhằm nâng cao trình độ quản lý sản xuất của cán bộ quản lý và nhận thức về an toàn thực phẩm cho công nhân.

Công ty cũng có luôn quan tâm đến công nhân cũng như trách nhiệm với cộng đồng thông qua các chương trình:

Chương trình	Thời gian	Đối tượng thụ hưởng
Cổ phiếu thưởng ESOP	2008-2012	Cán bộ công nhân viên giỏi, gắn bó với công ty
Nhà ở cho cán bộ công nhân viên	2009-2011	Cán bộ công nhân viên giỏi, gắn bó với công ty
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn	Hàng năm	Toàn bộ cán bộ công nhân viên
Chương trình an sinh xã hội Tỉnh Đồng Tháp	2009-2011	Người nghèo tỉnh Đồng Tháp

Trong năm, công ty đã chi hơn 1,7 tỷ đồng cho phúc lợi tập thể và cho hoạt động từ thiện, cất nhà tình thương, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, hỗ trợ trẻ mồ côi, người tàn tật, hỗ trợ Tết cho học sinh nghèo và các hộ nghèo, công nhân nghèo, khen thưởng con cán bộ công nhân học giỏi.

Kiểm soát chi phí

Công ty Vĩnh Hoàn thực hiện kiểm soát dự toán chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả và đạt chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đề ra.

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị (triệu đồng)	%/Doanh thu	Giá trị (triệu đồng)	%/Doanh thu	Giá trị (triệu đồng)	%/Doanh thu
Giá vốn hàng bán	1.565.912	87,50%	2.068.754	88,15%	1.965.241	84,84%
Chi phí bán hàng	56.341	3,14%	109.419	4,66%	156.256	6,75%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.975	1,45%	14.014	0,6%	19.828	0,86%
Chi phí hoạt động tài chính	(1.803)		52.023	2,22%	(2.785)	
TỔNG CỘNG	1.646.425	92,9%	2.244.210	95,63%	2.138.540	92,45%

KẾ HOẠCH NĂM 2010

1. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: triệu đồng

CHẾ BIẾN THỦY SẢN			
Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Tỷ lệ
Doanh thu	2.316.538	2.410.000	104%
Lợi nhuận sau thuế	152.404	119.000	78%
Lợi nhuận từ công ty con	40.825	61.000	149%
Tổng lợi nhuận sau thuế	193.229	180.000	93%

Đơn vị tính: triệu đồng

THỨC ĂN THỦY SẢN			
Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Tỷ lệ
Doanh thu	726.347	845.000	116%
Lợi nhuận sau thuế	56.392	80.000	142%
Lợi nhuận phân bổ cho Công Ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn	39.362	56.000	142%



2. KẾ HOẠCH KINH DOANH

Tập trung vào các nhóm sản phẩm

Fillet chất lượng cao, có kiểm soát tốt về vi sinh và kháng sinh

Block công nghiệp

Sản phẩm có chứng nhận nuôi quốc tế, đảm bảo sự phát triển bền vững và thân thiện với môi trường

Bột, mỡ cá và các chế phẩm mới từ phụ phẩm của cá tra, basa

Thị trường:

Mỹ	40%
Châu Âu	35%
Hong Kong	8%
Úc	8%
Nga	3%
Thị trường khác	6%

3. KẾ HOẠCH TIẾP THỊ

Giới thiệu và bán các sản phẩm mới và có sự khác biệt (có chứng nhận, block công nghiệp, bao gói lẻ).

Giữ vững khách hàng tại các thị trường chiến lược, quảng bá thương hiệu tại thị trường Mỹ thông qua Vinh Hoan (USA) Inc.

Sản phẩm

- Sản phẩm có chứng nhận
- Block công nghiệp
- Sản phẩm bao gói lẻ

Thị trường

- Quảng bá sản phẩm có chứng nhận tại Châu Âu
- Phát triển thị trường bao gói lẻ cho thị trường Mỹ
- Tăng tính cạnh tranh và ổn định chất lượng của sản phẩm block công nghiệp tại thị trường truyền thống (Đức, Anh, Úc) và giới thiệu sang thị trường mới (thành phần của block khác nhau để tận dụng nhiều loại nguyên liệu)

4. KẾ HOẠCH NUÔI TRỒNG

- Cung cấp sản lượng nguyên liệu: 50,000 tấn/năm
- Đến quý 3/2010 đạt chứng nhận GlobalGAP cho 5 vùng nuôi (Tân Hòa, Tân Thạnh, Tân Thuận Tây, Tân Thuận Đông, Mỹ Xương)

5. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

- Quản lý sản xuất hiệu quả, tiết kiệm chi phí và cải thiện năng suất;
- Sản xuất đúng tiến độ giao hàng;
- Tuân thủ và duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2005, ISO 14001: 2008, ISO/IEC 17025:2005, BRC, IFS, HACCP;
- Nước thải sau xử lý thải ra môi trường đạt loại A theo qui chuẩn QCVN 11:2008/ BTNMT;
- Hoàn thành dự án xây dựng xí nghiệp 1 vào đầu quý II năm 2010.

6. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

- Đầu tư dự án tinh luyện dầu cá với tổng kinh phí dự kiến 20 tỷ đồng;
- Đầu tư dự án chiết xuất Collagen giai đoạn 1 với vốn đầu tư ban đầu 3 triệu USD;
- Nuôi cá chẽm với diện tích 68 ha ở Bình Đại, Bến Tre, vốn đầu tư dự kiến 20 tỷ đồng;
- Đầu tư trại cá giống 20 ha để khép kín quy trình, với vốn đầu tư dự kiến 15 tỷ đồng;
- Mở rộng vùng nuôi thêm 50-70 ha, vốn đầu tư dự kiến 75-100 tỷ đồng.

Báo cáo của Ban Kiểm Soát

PHẠM VI VÀ NỘI DUNG KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2009

- Xem xét đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của công ty năm 2009 đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
- Cùng với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc xem xét quá trình chuẩn bị và phát hành thêm cổ phiếu;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính định kỳ (của Vĩnh Hoàn, Vĩnh Hoàn 1, Vĩnh Hoàn (USA) Inc.) để đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, phối hợp làm việc với công ty kiểm toán độc lập trong quá trình kiểm toán nhằm xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu liên quan đến công tác kiểm toán lên báo cáo tài chính;
- Khảo sát thực tế việc thực hiện dự án đầu tư vào xí nghiệp 1;
- Kiểm soát chi phí sản xuất;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình cổ phiếu thưởng cho nhân viên.

PHƯƠNG PHÁP KIỂM SOÁT

- Tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc theo quý và theo yêu cầu;
- Xem xét các tài liệu, báo cáo của các bên liên quan (báo cáo tài chính, báo cáo thuế, các quyết định được đưa ra, quy trình kiểm soát, thủ tục hoạt động đang được áp dụng);
- Khảo sát thực tế tại nhà máy, xí nghiệp nuôi, vĩnh hoàn 1, Vĩnh Hoàn (USA) Inc.;
- Tham gia đóng góp ý kiến cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc.

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc

Nhìn chung trong năm 2009, cả thế giới phải đối mặt với cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nhưng với sự chỉ đạo sâu sát của Hội Đồng Quản Trị và sự nỗ lực của Ban Tổng Giám Đốc, các chỉ tiêu tài chính đã hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị đều mở rộng, do Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị chủ trì, có Ban Kiểm soát tham gia. Các cuộc họp thảo luận các vấn đề của Vĩnh Hoàn đã được Đại Hội Cổ Đông năm 2008 đề ra, thảo luận các vấn đề cải tiến bộ máy, nhân sự, dự án đầu tư, tình hình vụ kiện chống phá giá với Mỹ, phát hành thêm cổ phiếu. Các vấn đề thảo luận và các quyết định của Hội Đồng Quản Trị phù hợp chức năng và quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Phát hành thêm cổ phiếu

Việc phát hành thêm cổ phiếu là điều cần thiết để huy động nguồn vốn nhằm mở rộng vùng nuôi, tái cơ cấu và chủ động về nguồn vốn và đầu tư các dự án mới trong tương lai với mục đích ổn định tình hình sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận và vị thế cạnh tranh trên thị trường, đưa công ty phát triển một cách bền vững.

Tình hình tài chính

Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công Ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn và thống nhất xác nhận kết quả kiểm soát như sau:

Kinh doanh thủy sản và dịch vụ

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2009	Mức độ hoàn thành kế hoạch
DOANH THU THUẦN	2.316.538	2.212.713	104,69%
■ Thủy sản	2.040.969	1.975.484	
• Thành phẩm	1.728.309	1.607.184	
• Hàng hóa	312.660	368.300	
■ Đại lý thức ăn thủy sản	3.001	22.352	
■ Thuốc thủy sản	13.954	13.746	
Phụ phẩm	249.209	193.265	
Dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác	5.840	360	
Hàng khác	3.565	7.524	
Lợi nhuận trước thuế	174.956	90.722	
Thuế TNDN	22.552	10.887	
Lợi nhuận sau thuế	152.404	79.835	190,90%
Lợi nhuận từ công ty con	40.825	21.525	189,66%
Tổng lợi nhuận sau thuế	193.229	101.360	190,63%

Thức ăn thủy sản

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2009	Mức độ hoàn thành kế hoạch
DOANH THU THUẦN	726.347	609.961	190,08%
Lợi nhuận trước thuế	59.203	30.750	
Thuế TNDN	2.811	0	
Lợi nhuận sau thuế	56.392	30.750	183,39%
Lợi nhuận còn lại sau thuế	17.030	9.225	
Lợi nhuận phân bổ cho công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn	39.362	21.525	182,87%

Các báo cáo tài chính được thực hiện đầy đủ, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2009 theo báo cáo của Ban Giám đốc là hoàn toàn chính xác so với sổ sách kế toán và kiểm tra thực tế.

Dự án cải tạo nâng cấp xí nghiệp 1

Công trình được thực hiện đúng tiến độ, có bố trí kỹ thuật giám sát chất lượng công trình.

Các nhà thầu xây dựng, cung cấp thiết bị và dịch vụ được đánh giá lựa chọn một cách kỹ lưỡng đảm bảo được chất lượng công trình, và có chi phí hợp lý nhất.

Xí nghiệp 1 dự kiến hoạt động vào cuối tháng 4/2010.

Kiểm soát chi phí sản xuất

Ban Tổng Giám Đốc công ty đã ban hành các chính sách khoán năng suất và định mức cho các xí nghiệp làm động lực cho ban quản lý xí nghiệp cố gắng tăng năng suất và giảm định mức.

Thành lập ban kiểm soát nội bộ giúp giám sát việc thực hiện các hoạt động quản lý sản xuất kịp thời và hiệu quả.

Chương trình cổ phiếu thưởng ESOP

Việc áp dụng chương trình cổ phiếu thưởng ESOP là một chính sách đúng đắn giúp giữ vững nguồn chất xám của công ty, khuyến khích nguồn lực trẻ, tiềm năng và gắn bó với công ty.

Quá trình thực hiện chương trình được công khai minh bạch, các đối tượng được lựa chọn được xem xét kỹ lưỡng đúng tiêu chí của chương trình và tỉ lệ phát thưởng được đánh giá đúng mức độ đóng góp của mỗi cá nhân, và khả năng phát triển trong tương lai của họ.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Công ty đã tiếp tục đạt được nhiều thành tựu cao hơn trước trong việc củng cố và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng trưởng lợi nhuận, kiện toàn hệ thống quản trị, cũng như khẳng định vị thế là một trong những công ty hàng đầu của Việt Nam trong ngành chế biến thủy sản. Tuy nhiên trong những năm tới sẽ diễn ra sự cạnh tranh khốc liệt hơn đối với ngành này và hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế còn kéo dài do vậy Ban Kiểm Soát kiến nghị Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc công ty tăng cường công tác hoạch định chiến lược toàn diện để sử dụng các nguồn lực một cách tối ưu, nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm bảo tốc độ tăng trưởng lợi tức trên vốn đầu tư của cổ đông bền vững trong trung và dài hạn.

Các Công ty con có liên quan

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu tại ngày 31/12/2009	Vốn góp tại ngày 31/12/2009
Công ty Cổ phần Thức Ăn Thủy Sản Vinh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	69,80%	52.003.709.506
Công ty Vinh Hoan (USA) Inc.	2 Mahogany Dr, Irvine, CA 9260	100,00%	8.651.533.184
Tổng cộng			60.655.242.690

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY CON

Kết quả hoạt động của Công ty Vinh Hoan (USA) Inc.

Công ty Vinh Hoan USA Inc. ban đầu được thành lập nhằm mục đích bán hàng theo phương thức “trộn gói, bao thuế” cho các khách hàng còn e ngại về thủ tục khai và đóng thuế chống bán phá giá phức tạp. Sau thời gian tìm hiểu thủ tục, hoàn thiện quy trình và bộ máy, năm 2009 công ty đã bắt đầu đạt được những kết quả đáng khích lệ về doanh số và lợi nhuận. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: USD

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2007	NĂM 2008	NĂM 2009	(%) tăng giảm so với năm 2008
1	Doanh thu thuần bán hàng	1.271.298	10.297.275	33.351.236	323,88%
2	Lợi nhuận sau thuế	18.171	61.496	188.036	305,77%

Kết quả hoạt động của Công ty Cổ Phần Thức Ăn Thủy Sản Vinh Hoàn 1

Kết quả kinh doanh của Công ty Cổ Phần Thức Ăn Thủy Sản Vinh Hoàn 1 năm 2009 như sau:

Đơn vị tính: USD

CHỈ TIÊU	NĂM 2007	NĂM 2008	NĂM 2009	(%) tăng giảm so với năm 2008
Doanh thu thuần	58.981	419.900	726.347	172,98%
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	-468	9.798	56.392	575,55%
Lợi nhuận phân bổ cho công ty Vinh Hoàn	-297	6.839	39.362	575,55%

Hiệu quả lớn nhất mà Vinh Hoàn 1 mang đến là xây dựng được thương hiệu “VINHHOAN FEED” trên thị trường trong một thời gian ngắn. Thức ăn viên của “VINHHOAN FEED” đạt hệ số FCR tốt, tỷ lệ cá nuôi thịt trắng đạt trên 90%. Thành quả này giúp Vinh Hoàn 1 mạnh dạn tăng công suất sản xuất thức ăn viên lên gấp đôi trong năm 2009.

Ngoài ra, sản phẩm bột cá, mỡ cá của Vinh Hoàn 1 cũng đã tham gia xuất khẩu khá tốt sang thị trường Nhật và Trung Quốc.

Thông tin cổ đông và Quản trị Công ty

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Đặng Văn Viễn	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Trương Tuyết Phương	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 05 năm 2008	-

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Trương Tuyết Phương	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	23 tháng 4 năm 2009
Bà Nguyễn Thị Kim Đào	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	23 tháng 4 năm 2009
Ông Đặng Văn Viễn	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	23 tháng 4 năm 2009
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nghệ	Trưởng ban	28 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Bà Hồ Thanh Huệ	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-

- Quyền lợi của thành viên Hội Đồng Quản Trị: tất cả các thành viên Hội Đồng Quản Trị chỉ được hưởng thù lao theo công việc phục vụ cho công ty.
- Sở hữu cổ phần và những thay đổi trong số cổ phần nắm giữ của thành viên Hội Đồng Quản Trị: không có thay đổi trong năm. Số cổ phần các thành viên Hội Đồng Quản Trị đang nắm giữ:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	17.965.000
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	10.000
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	10.000

Thông tin cổ đông và Quản trị Công ty

THÙ LAO CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2009

Theo quy định của Nhà Nước và theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua mức thù lao cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và thư ký Hội Đồng Quản Trị là 50.000.000 đồng/tháng cho 13 tháng.

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 24 THÁNG 3 NĂM 2010

Thông tin chung về cơ cấu cổ đông

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Trong nước	372	27.157.060.00	76,87%
	Nhà nước	0	0	0,00%
	Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát	6	18.009.000	50,98%
	Cá nhân trong công ty	2	5.760	0,02%
	Cá nhân ngoài công ty	358	4.740.410	13,42%
	Tổ chức trong nước	6	4.401.890	12,46%
	Tổ chức tự doanh	0	0	0,00%
II	Nước ngoài	37	8.170.940	23,13%
	Cá nhân	17	9.450	0,03%
	Tổ chức	20	8.161.490	23,10%
	Tổng cộng	409	35.328.000	100,00%

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trương Thị Lệ Khanh	384 Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, TP.HCM	17.965.000	50,85%
2	Red River Holding	Walkers SPV Limited, 87 Mary Street, Grand Cayman KY 1-9002, Cayman Islands	5.494.070	15,55%
3	Quý Đầu Tư Việt Nam	Tầng 12, Tòa Nhà A , Vincom 191 Bà Triệu, Hà Nội	2.671.970	7,56%
	Tổng cộng		26.131.040	73,97%

Báo cáo tài chính hợp nhất

- Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc
- Báo cáo kiểm toán
- Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
- Phụ lục

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 bao gồm Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn, Công ty Cổ phần Thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 và Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) (gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán bởi các Kiểm toán viên.

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000069 ngày 17 tháng 4 năm 2007, thay đổi lần 1 ngày 11 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Bà Trương Thị Lệ Khanh	179.650.000.000	50,85
Các cổ đông khác	173.630.000.000	49,15
Cộng	353.280.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
 Điện thoại : (067) 3891166
 Fax : (067) 3891672
 Email : vh@vinhhoan.com.vn
 Mã số thuế : 1400112623

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn là:

- Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản.
- Mua bán thủy hải sản.
- Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản; chế biến thức ăn thủy sản.
- Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.
- Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái.
- Sản xuất bao bì giấy, in các loại.
- Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
- Sản xuất và mua bán thức ăn thủy sản.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất - chế biến	69,80%
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2 , Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	Thương mại	100,00%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Trong năm Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn đã phân phối lợi nhuận năm 2008 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 ngày 23 tháng 4 năm 2009 và tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2009 theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 11 năm 2009. Chi tiết như sau:

	ĐVT: VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.492.895.079
Chia cổ tức năm trước	84.750.000
Tạm chia cổ tức 2009	45.000.000.000

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Trương Tuyết Phương	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	23 tháng 4 năm 2009
Bà Nguyễn Thị Kim Đào	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	23 tháng 4 năm 2009
Ông Đặng Văn Viễn	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	23 tháng 4 năm 2009
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Đức Trung	Trưởng ban	17 tháng 4 năm 2007	23 tháng 4 năm 2009
Ông Nguyễn Văn Nghệ	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Bà Hồ Thanh Huệ	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Đặng Văn Viễn	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Trương Tuyết Phương	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinh Hoàn

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinh Hoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng

Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần Vinh Hoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinh Hoàn xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 04 năm 2010

Số: 0447/2010/BCTC-KTTV

Báo cáo Kiểm toán

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn, Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 và Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Hoa Kỳ (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính cùng ngày, được lập ngày 05 tháng 3 năm 2010, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất để cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Bùi Văn Kha - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0085/KTV

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		914.828.473.655	697.634.589.303	IV. Hàng tồn kho	140		334.239.891.853	333.749.986.365
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	209.967.674.177	20.826.093.565	1. Hàng tồn kho	141	V.6	355.061.759.269	356.381.498.350
1. Tiền	111		151.967.674.177	20.826.093.565	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(20.821.867.416)	(22.631.511.985)
2. Các khoản tương đương tiền	112		58.000.000.000	-	V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.539.871.649	21.487.297.688
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.300.000.000	410.000.000	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	608.820.078	2.163.721.865
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	15.300.000.000	410.000.000	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.315.619.657	11.025.852.764
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.496.010.723	418.400.734
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		333.781.035.976	321.161.211.685	4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	9.119.421.191	7.879.322.325
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	313.778.577.707	272.623.463.049					
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	18.850.212.538	47.634.843.470					
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-					
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-					
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1.152.245.731	902.905.166					
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-					

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		601.428.190.243	517.535.006.285	III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-	Nguyên giá	241		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.000.000	10.000.000
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-	1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-	3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		569.140.010.538	499.579.135.406	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	514.833.994.879	451.189.204.196	V. Tài sản dài hạn khác	260		32.278.179.705	17.945.870.879
Nguyên giá	222		640.505.272.657	528.932.609.536	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	17.594.333.935	10.406.155.236
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(125.671.277.778)	(77.743.405.340)	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	2.613.223.603	7.384.235.643
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-	3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	12.070.622.167	155.480.000
Nguyên giá	225		-	-	VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.516.256.663.898	1.215.169.595.588
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	34.915.377.050	35.252.431.368					
Nguyên giá	228		35.878.937.301	35.741.138.001					
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(963.560.251)	(488.706.633)					
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	19.390.638.609	13.137.499.842					

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo của Ban Giám đốc

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A NỢ PHẢI TRẢ	300		830.556.264.797	799.898.452.005	B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		651.127.593.521	391.905.242.477
I. Nợ ngắn hạn	310		619.705.672.424	586.910.649.255	I. Vốn chủ sở hữu	410		642.319.399.270	388.819.473.265
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	399.402.059.691	465.237.227.745	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	325.680.000.000	300.000.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.17	168.013.169.506	96.807.901.631	2. Thặng dư vốn cổ phần	412		92.448.000.000	-
3. Người mua trả tiền trước	313		1.195.641.514	396.376.240	3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	21.899.615.883	2.047.313.894	4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Phải trả người lao động	315	V.19	24.042.250.476	18.120.965.622	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.20	1.148.887.790	2.499.760.832	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.24	861.407.971	459.674.037
7. Phải trả nội bộ	317		-	-	7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-	8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	4.004.047.564	1.801.103.291	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.24	136.774.604	136.774.604
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	223.193.216.695	88.223.024.624
II. Nợ dài hạn	330		210.850.592.373	212.987.802.750	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		8.808.194.251	3.085.769.212
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.25	8.808.194.251	3.085.769.212
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-	2. Nguồn kinh phí	432		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	209.822.118.693	212.251.039.377	3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-	C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		34.572.805.580	23.365.901.106
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	1.028.473.680	736.763.373	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.516.256.663.898	1.215.169.595.588
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-					

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	4.864.228,68	953.630,66
Euro (EUR)	432,41	299,29
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 3 năm 2010



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.785.274.167.595	2.442.450.718.095	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52		240.322.995.168	84.658.195.025
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	14.271.126.710	91.190.000	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			27.570.711.035	9.616.586.897
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.771.003.040.885	2.442.359.528.095	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	60		4.771.012.040	(7.203.648.457)
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.318.805.922.373	2.153.442.679.853	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			207.981.272.093	82.245.256.585
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		452.197.118.512	288.916.848.242	18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	62		14.752.208.587	2.202.565.594
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	54.951.217.933	42.031.250.915	18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			193.229.063.506	80.042.690.991
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	71.729.956.746	113.508.218.900	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	6.427	2.668
Trong đó: chi phí lãi vay	23		49.057.616.580	47.399.693.748					
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	159.219.196.109	113.828.183.961					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	VI.6	35.032.152.214	18.856.633.111					
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31		241.167.031.376	84.755.063.185					
11. Thu nhập khác	32	VI.7	5.048.147.679	137.379.570					
12. Chi phí khác	40	VI.8	5.892.183.887	234.247.730					
13. Lợi nhuận khác	45		(844.036.208)	(96.868.160)					
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	51		-	-					



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 3 năm 2010



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		298.362.602.951	(181.119.316.338)
1. Lợi nhuận trước thuế	01		240.322.995.168	84.658.195.025					
2. Điều chỉnh cho các khoản:					II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10.11	64.519.745.487	28.730.342.604	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(96.726.024.641)	(250.673.811.943)
- Các khoản dự phòng	03		(1.809.644.569)	22.631.511.985	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		478.069.372	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		13.332.794.616	6.176.617.737	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(162.804.060.000)	(410.000.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.790.099.821)	-	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		147.914.060.000	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	49.057.616.580	47.399.693.748	5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		363.633.407.461	189.596.361.099	6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(40.377.232.449)	(72.715.408.803)	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.547.435.860	-
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.225.568.009	(264.031.343.809)					
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		46.555.428.778	39.663.296.748	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(105.590.519.409)	(251.083.811.943)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.505.671.121)	(11.887.104.516)					
- Tiền lãi vay đã trả	13		(50.990.324.832)	(45.019.932.916)					
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(16.208.085.454)	(17.840.804.197)					
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	3.825.344.000					
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.970.487.441)	(2.709.723.944)					

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		190.084.014.804	(157.700.730)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		118.128.000.000	-	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	20.826.093.565	20.898.051.546
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(942.434.192)	85.742.749
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16, 22	2.162.598.741.514	2.361.299.407.770	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	209.967.674.177	20.826.093.565
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16, 22	(2.238.401.310.252)	(1.848.323.730.219)					
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-					
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.013.500.000)	(80.930.250.000)					
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.688.068.738)	432.045.427.551					

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn, Công ty Cổ phần Thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 và Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản); Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; Sản xuất bao bì giấy, in các loại; Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
4. **Tổng số các công ty con** : 2

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	69,80%	69,80%
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2 , Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	100,00%	100,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn được trình bày theo đơn vị tiền tệ của quốc gia mà đơn vị đó hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo Đồng Việt Nam (VND), đồng tiền quốc gia mà Công ty mẹ đang hoạt động.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 6

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 – 5 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 - 6 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ các Công ty trong Tập đoàn.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn như sau:

- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

- Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty trong Tập đoàn có đồng tiền hạch toán khác với tiền Đồng Việt Nam được chuyển đổi như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009.
- Doanh thu và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD
31/12/2009 : 17.941 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.941.192.023	2.196.056.752
Tiền gửi ngân hàng	150.026.482.154	18.630.036.813
Các khoản tương đương tiền	58.000.000.000	-
Cộng	209.967.674.177	20.826.093.565

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	2.800.000.000	-
Cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Chí Phong vay	-	410.000.000
Cho Phan Ngọc Ẩn vay	12.500.000.000	-
Cộng	15.300.000.000	410.000.000

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	148.701.382.211	162.601.399.704
Tại Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	86.027.809.662	53.988.982.512
Tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	79.049.385.834	56.033.080.833
Cộng	313.778.577.707	272.623.463.049

4. Trả trước người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	15.912.029.425	46.530.712.431
Tại Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	2.938.183.113	1.104.131.039
Cộng	18.850.212.538	47.634.843.470

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải thu	327.700.000	-
Các khoản phải thu khác	824.545.731	902.905.166
Cộng	1.152.245.731	902.905.166

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	259.157.628	-
Nguyên liệu, vật liệu	70.069.896.138	34.858.169.132
Công cụ, dụng cụ	2.004.874.353	2.334.691.761
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	111.911.030.281	75.358.085.162
Thành phẩm	170.791.254.700	243.757.977.999
Hàng hóa	25.546.169	72.574.296
Cộng	355.061.759.269	356.381.498.350

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	265.435.081	-
Thành phẩm	20.556.432.335	22.631.511.985
Cộng	20.821.867.416	22.631.511.985

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	22.631.511.985
Trích lập dự phòng bổ sung	2.262.131.833
Hoàn nhập dự phòng	(4.071.776.402)
Số cuối năm	20.821.867.416

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	865.386.600	2.408.004.148	(2.664.570.670)	608.820.078
Chi phí sửa chữa	1.298.335.265	-	(1.298.335.265)	-
Cộng	2.163.721.865	2.408.004.148	(3.962.905.935)	608.820.078

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	8.565.632.491	7.355.128.425
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	553.788.700	524.193.900
Cộng	9.119.421.191	7.879.322.325

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	185.195.244.635	332.625.041.460	9.218.511.470	1.893.811.971	528.932.609.536
Tăng trong năm	77.177.277.580	51.338.986.558	3.039.605.721	369.218.104	131.925.087.963
Mua sắm mới	29.221.313.536	9.697.698.785	2.160.268.571	328.364.352	41.407.645.244
Đầu tư xây dựng hoàn thành	47.955.964.044	41.641.287.773	879.337.150	40.853.752	90.517.442.719
Thanh lý, nhượng bán	(16.703.700.329)	(2.434.349.373)	(478.781.433)	(735.593.707)	(20.352.424.842)
Số cuối năm	245.668.821.886	381.529.678.645	11.779.335.758	1.527.436.368	640.505.272.657
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	926.981.437	22.199.601.929	381.243.810	173.260.395	23.681.087.571
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	18.126.783.532	56.462.978.098	2.055.160.826	1.098.482.884	77.743.405.340
Khấu hao trong năm	15.222.625.411	46.730.035.942	1.787.637.470	304.593.046	64.044.891.869
Thanh lý, nhượng bán	(12.997.979.805)	(2.125.140.513)	(258.305.406)	(735.593.707)	(16.117.019.431)
Số cuối năm	20.351.429.138	101.067.873.527	3.584.492.890	667.482.223	125.671.277.778
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	167.068.461.103	276.162.063.362	7.163.350.644	795.329.087	451.189.204.196
Số cuối năm	225.317.392.748	280.461.805.118	8.194.842.868	859.954.145	514.833.994.879
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 352.732.443.837 VND và 270.703.958.938 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	35.209.548.201	531.589.800	35.741.138.001
Mua trong năm	66.343.300	71.456.000	137.799.300
Số cuối năm	35.275.891.501	603.045.800	35.878.937.301
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	230.787.505	257.919.128	488.706.633
Khấu hao trong năm	381.861.408	92.992.210	474.853.618
Số cuối năm	612.648.913	350.911.338	963.560.251
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	34.978.760.696	273.670.672	35.252.431.368
Số cuối năm	34.663.242.588	252.134.462	34.915.377.050

Một số quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 22.568.847.901 VND và 21.956.198.988 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua tài sản cố định	-	29.283.485.978	(27.383.269.502)	(40.000.000)	1.860.216.476
Xây dựng cơ bản dở dang	13.137.499.842	69.614.701.299	(63.134.173.217)	(2.087.605.791)	17.530.422.133
Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải XN1	2.482.433.999	1.008.903.692	(3.491.337.691)	-	-
Công trình nhà xưởng số 3 và Hệ thống nước thải	1.601.506.377	36.592.099.774	(36.273.034.901)	-	1.920.571.250
Công trình nhà xưởng số 1		14.065.351.190	-	-	14.065.351.190
Chi phí đào ao nuôi cá	4.480.289.516	11.024.233.248	(12.746.194.576)	(1.765.760.336)	992.567.852
Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và bột cá	4.573.269.950	1.151.363.636	(5.724.633.586)	-	-
Các công trình khác		5.772.749.759	(4.898.972.463)	(321.845.455)	551.931.841
Cộng	13.137.499.842	98.898.187.277	(90.517.442.719)	(2.127.605.791)	19.390.638.609

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	6.555.202.282	3.424.389.962	(2.945.651.728)	7.033.940.516
Tiền thuê đất	3.737.937.454	7.295.302.410	(655.872.903)	10.377.366.961
Chi phí khác	113.015.500	321.845.455	(251.834.497)	183.026.458
Cộng	10.406.155.236	11.041.537.827	(3.853.359.128)	17.594.333.935

Một số công cụ dụng cụ có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 2.836.802.000 VND và 1.482.911.572 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Số đầu năm	7.384.235.643
Phát sinh trong năm	2.613.223.603
Hoàn nhập trong năm	(7.384.235.643)
Số cuối năm	2.613.223.603

(a) Khoản vay hạn mức Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

(b) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1.

15. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	355.168.735.691	379.232.010.284
- Vay Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	-	59.317.638.000
- Vay Natexis Banques Populaires	-	35.298.646.719
- Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	276.252.854.450	254.615.725.565
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp ^(b)	78.915.881.241	30.000.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	-	-
Vay ngắn hạn cá nhân	-	35.898.332.400
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20)	44.233.324.000	50.106.885.061
Cộng	399.402.059.691	465.237.227.745

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	379.232.010.284	2.043.776.033.913	-	(2.067.839.308.506)	355.168.735.691
Vay ngắn hạn các cá nhân	35.898.332.400	12.000.000.000	-	(47.898.332.400)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	50.106.885.061	-	44.233.324.000	(50.106.885.061)	44.233.324.000
Cộng	465.237.227.745	2.055.776.033.913	44.233.324.000	(2.165.844.525.967)	399.402.059.691

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	103.544.659.164	80.634.179.347
Tại Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	64.026.648.629	16.171.183.545
Tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	441.861.713	2.538.739
Cộng	168.013.169.506	96.807.901.631

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.104.431.954	1.597.706.909	(2.702.138.863)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	23.818.444	7.817.408.545	(6.726.372.754)	1.114.854.235
Thuế xuất, nhập khẩu	(418.400.734)	344.539.912	(1.422.149.901)	(1.496.010.723)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	763.608.906	32.917.816.203	(16.208.085.454)	17.473.339.655
Thuế thu nhập cá nhân	155.454.590	483.581.932	(543.378.925)	95.657.597
Thuế nhà đất	-	170.858.500	(170.858.500)	-
Các loại thuế khác	-	36.923.805.515	(33.708.041.119)	3.215.764.396
Cộng	1.628.913.160	80.255.717.516	(61.481.025.516)	20.403.605.160

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Các loại thuế khác

Các Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 phải trả người lao động.

20. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	447.052.580	2.379.760.832
Chi phí khác	701.835.210	120.000.000
Cộng	1.148.887.790	2.499.760.832

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.196.106.374	850.502.483
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	577.514.590	356.439.323
Các khoản phải trả khác	2.230.426.600	594.161.485
Cộng	4.004.047.564	1.801.103.291

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ^(a)	143.822.118.693	168.012.978.501
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	-	44.238.060.876
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(b)	66.000.000.000	-
Cộng	209.822.118.693	212.251.039.377

^(a) Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất bằng Lãi suất Sibor 6 tháng + lãi suất biên USD cho khoản vay USD và Lãi suất cho vay của dài hạn VND công bố trừ 0,5% cho khoản vay VND để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phân xưởng 3 và phân xưởng 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc dự án bao gồm máy móc, thiết bị, công trình xây dựng, quyền sử dụng đất của khu đất 21.571,2 m² xây dựng nhà máy và khu đất 8.790m².

^(b) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với lãi suất 10,05%/năm để đầu tư dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	44.233.324.000
Trên 1 năm đến 5 năm	186.933.296.000
Trên 5 năm	22.888.822.693
Tổng nợ	254.055.442.693

Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	212.251.039.377
Số tiền vay phát sinh trong năm	106.822.707.601
Chênh lệch tỷ giá	7.538.480.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(72.556.784.285)
Số kết chuyển	(44.233.324.000)
Số cuối năm	209.822.118.693

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	736.763.373
Số trích lập trong năm	616.809.307
Số chi trong năm	(325.099.000)
Số cuối năm	1.028.473.680

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009	300.000.000.000
Vốn điều lệ đã đầu tư của chủ sở hữu	325.680.000.000
Vốn góp cao hơn vốn điều lệ	25.680.000.000

Cổ tức

Trong năm Công ty Cổ phần Vinh Hoàn đã chi trả cổ tức như sau:

Cổ tức các năm trước	15.000.000
Chi cổ tức năm nay	44.998.500.000
Cộng	45.013.500.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.568.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	32.568.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.568.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	32.568.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	3.085.769.212
Trích quỹ trong năm	8.056.815.983
Chi quỹ trong năm	(2.334.390.944)
Số cuối năm	8.808.194.251

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.785.274.167.595	2.442.450.718.095
- Doanh thu bán hàng hóa	467.191.638.220	491.865.274.501
- Doanh thu bán thành phẩm	2.064.109.029.517	1.848.876.176.396
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.497.138.240	718.515.908
- Doanh thu nguyên vật liệu	9.784.270.756	14.451.359.856
- Doanh thu phế phẩm	240.692.090.862	86.539.391.434
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(14.271.126.710)	(91.190.000)
- Giảm giá hàng bán	(465.021.060)	(91.190.000)
- Hàng bán bị trả lại	(13.806.105.650)	-
Doanh thu thuần	2.771.003.040.885	2.442.359.528.095
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	465.322.529.320	491.865.274.501
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.053.948.182.787	1.848.784.986.396
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.497.138.240	718.515.908
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	9.784.270.756	14.451.359.856
- Doanh thu thuần phế phẩm	238.450.919.782	86.539.391.434

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	451.571.061.418	471.650.873.791
Giá vốn của thành phẩm	1.664.752.891.157	1.561.211.542.409
Giá vốn của nguyên vật liệu	8.575.365.728	14.849.944.188
Giá vốn của phế phẩm	191.644.472.237	83.098.807.480
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.262.131.833	22.631.511.985
Cộng	2.318.805.922.373	2.153.442.679.853

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	619.567.612	526.508.006
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.211.647.010	-
Lãi cho vay	335.788.850	-
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	4.559.691.055	10.647.892.055
Lãi bán hàng trả chậm	7.248.453.037	2.453.866.029
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.166.000	1.510.635.723
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	36.967.904.369	26.892.349.102
Cộng	54.951.217.933	42.031.250.915

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	49.057.616.580	47.399.693.748
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.340.960.616	8.169.106.859
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.331.379.550	57.939.418.293
Cộng	71.729.956.746	113.508.218.900

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.213.176.514	3.635.003.733
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	18.159.091	83.392.574
Chi phí khấu hao TSCĐ	58.197.916	241.756.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.715.062.409	91.284.742.032
Chi phí bằng tiền khác	41.214.600.179	18.583.289.505
Cộng	159.219.196.109	113.828.183.961

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	12.495.359.244	6.772.362.256
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	747.265.770	885.583.795
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.691.004.582	676.454.066
Thuế, phí và lệ phí	841.875.680	95.184.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.009.514.391	1.125.212.799
Chi phí bằng tiền khác	16.247.132.547	9.301.835.722
Cộng	35.032.152.214	18.856.633.111

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	478.069.372	-
Nhận hàng khuyến mãi	3.746.675.291	-
Thu nhập khác	823.403.016	137.379.570
Cộng	5.048.147.679	137.379.570

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	4.235.405.411	-
Phạt vi phạm hợp đồng	333.063.407	-
Chi phí khác	1.323.715.069	234.247.730
Cộng	5.892.183.887	234.247.730

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	193.229.063.506	82.245.256.585
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(2.202.565.594)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	193.229.063.506	80.042.690.991
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.067.277	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.427	2.668

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	30.000.000	30.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	67.277	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.067.277	30.000.000

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các Công ty trong Tập đoàn có công nợ về mua sắm tài sản cố định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	33.680.308.269	8.303.335.570
Ứng trước mua tài sản cố định	12.941.458.177	31.271.792.741

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Bán hàng hóa	174.229.723	9.605.161.417
Mua nguyên liệu	17.894.818.900	25.772.613.900
Các cá nhân có liên quan		
Mua nguyên vật liệu	18.050.318.300	-
Bán hàng hóa	531.865.065	16.413.443.127
Mua cá tra nguyên liệu	-	31.769.128.600
Cho vay	-	2.000.000.000
Vay	12.000.000.000	189.743.867.400
Lãi vay	359.267.402	8.815.190.310

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị	1.473.813.981	426.988.025
Các cá nhân có liên quan	258.842.500	200.961.500
Cộng nợ phải thu	1.732.656.481	627.949.525
Hội đồng quản trị	-	31.398.332.400
Cộng nợ phải trả	-	31.398.332.400

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 2.569.093.000 VND (năm trước là 2.143.287.500 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa các Công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức		
Bán nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	153.615.209.698	316.159.339.563
Mua hàng hóa, bao bì, hóa chất, dịch vụ	281.374.366.853	300.332.282.067
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức		
Bán nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	701.825.217	1.400.164.789
Mua nguyên vật liệu	1.134.952.000	-

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng	4.970.225.400	5.243.750.000
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng	-	18.158.593.746
Cộng nợ phải thu	4.970.225.400	23.402.343.746
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức		
Phải trả mua nguyên vật liệu, hàng hóa	22.811.800.508	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức		
Phải trả mua nguyên vật liệu	1.281.184.200	-
Cộng nợ phải trả	24.274.857.221	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	294.847.566	153.616.014
Trên 1 năm đến 5 năm	1.333.006.278	768.080.070
Trên 5 năm	1.592.244.837	1.592.244.837
Cộng	3.220.098.681	2.513.940.921

Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực 20 năm với chi phí thuê cố định trong suốt thời gian thuê.

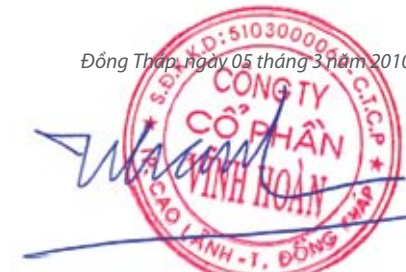
3. Thông tin khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Các Công ty trong Tập đoàn sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 3 năm 2010



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	-	79.423.658	-	89.409.493.107	389.488.916.765
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá trước hoạt động	-	-	(79.423.658)	-	-	(79.423.658)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	459.674.037	-	-	459.674.037
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	80.042.690.991	80.042.690.991
Chia cổ tức	-	-	-	-	(80.930.250.000)	(80.930.250.000)
Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số năm trước	-	-	-	-	(25.360.267)	(25.360.267)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	136.774.604	(273.549.207)	(136.774.603)
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	-	459.674.037	136.774.604	88.223.024.624	388.819.473.265
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	-	459.674.037	136.774.604	88.223.024.624	388.819.473.265
Điều chỉnh năm trước	-	-	-	-	(4.493.926)	(4.493.926)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	401.733.934	-	-	401.733.934
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho các năm trước	-	-	-	-	(5.283.115.639)	(5.283.115.639)
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	25.680.000.000	92.448.000.000	-	-	-	118.128.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	193.229.063.506	193.229.063.506
Chia cổ tức	-	-	-	-	(45.084.750.000)	(45.084.750.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(7.886.511.870)	(7.886.511.870)
Số dư cuối năm nay	325.680.000.000	92.448.000.000	861.407.971	136.774.604	223.193.216.695	642.319.399.270



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 3 năm 2010



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



Công Ty Cổ Phần Vinh Hoàn

Quốc lộ 30, Phường 11, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại : (84.67) 3891166, 3891663, 3891664

Fax : (84.67) 3891062

Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

569 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 3836 4849/ 3836 5058

Fax : (84.8) 38365090

Website : www.vinhhoan.com.vn